

cho anh T vay số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay là 30 ngày. Ngày 10/11/2017 ông lại cho anh T vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay tiền là 30 ngày. Lãi suất của 02 lần cho vay đều là 1.000đồng/triệu/ngày. Cả hai lần vay tiền, anh T đều đi cùng với một người giới thiệu là Hoàng Thị V để làm chứng cho việc vay tiền của anh T. Từ đó đến nay anh T chưa trả ông khoản tiền nào. Nay ông khởi kiện yêu cầu anh T phải trả cho vợ chồng ông 15.000.000đồng tiền gốc và 15.000.000đồng tiền lãi. Ông chỉ yêu cầu một mình anh T phải trả tiền.

- Bị đơn là anh Ông Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị V mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong các buổi kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, làm việc tại Tòa án. Tuy nhiên, anh T và chị V đều vắng mặt, không cung cấp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cũng không thu thập được ý kiến của các đương sự này.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị N ủy quyền cho ông L tham gia tố tụng, bà N không có ý kiến nộp cho Tòa án.

- Tại phiên tòa, anh T, chị V và bà N vắng mặt. Ông L có mặt trình bày: anh T vay của ông hai khoản vay như trong giấy biên nhận vay tiền ông đã cung cấp là: Ngày 03/6/2017, anh T vay số tiền 5.000.000đồng, ngày 10/11/2017 anh T vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay tiền của cả hai lần đều là 30 ngày, anh T vay tiền xong đã ký tên dưới phần “người vay ký”, chị V là người cùng đi đã ký chứng kiến việc cho vay. Đã quá hạn trả nợ nhưng anh T chưa trả được khoản nợ nào. Nay ông yêu cầu cá nhân anh T phải trả 15.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi từ khi quá hạn cho vay đến khi xét xử vụ án theo mức lãi 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông L khởi kiện anh T yêu cầu trả tiền đã cho vay nên đây là quan hệ pháp luật về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Anh T cư trú tại huyện Yên Thế nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Anh T, chị V vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bà N vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông L tham gia tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2

Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông L đối với anh T:

* Về yêu cầu trả tiền gốc: Mặc dù không thu thập được ý kiến của anh T về yêu cầu khởi kiện của ông L nhưng căn cứ vào lời khai của ông L phù hợp với 02 giấy biên nhận vay tiền ngày 05/6/2017 và ngày 10/11/2017 ông L cung cấp, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định được: Ngày 05/6/2017, ông cho anh T vay số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay là 30 ngày. Ngày 10/11/2017 ông lại cho anh T vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay tiền là 30 ngày. Từ đó đến nay anh T chưa trả ông khoản tiền nào. Anh T đã được Tòa án thông báo việc ông L khởi kiện nhưng anh không cung cấp ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của ông L cho Tòa án nên anh phải chịu hậu quả pháp lý về việc không trình bày ý kiến của mình. Hội đồng xét xử xác định anh T có vay ông L 15.000.000đồng và đến nay chưa trả được. Tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản đã ghi: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Nay đã quá hạn nhiều năm mà anh T chưa trả cho ông L 15.000.000đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông L khởi kiện yêu cầu anh T phải trả số tiền trên là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc anh T phải trả cho ông L số tiền 15.000.000đồng.

* Về yêu cầu tính lãi: Theo ông L trình bày, thời hạn cho vay của 02 khoản đều là 30 ngày. Quá hạn trả nợ mà anh T không trả được nợ nên ông yêu cầu tính lãi theo mức 0,83%/tháng từ khi quá hạn trả nợ đến khi xét xử vụ án. Xét thấy trình bày của ông L phù hợp với thời hạn vay ghi trong các giấy biên nhận vay tiền, yêu cầu của ông L phù hợp với khoản 4 Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông L đối với anh T. Số tiền lãi anh T phải trả ông L là:

- Lãi của khoản vay 5.000.000đồng từ ngày 05/7/2017 (ngày quá hạn trả nợ) đến ngày 02/6/2023 (ngày xét xử) là: $5.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} = (41.500\text{đồng}/\text{tháng} \times 70 \text{ tháng} = 2.905.000\text{đồng}) + (1.300\text{đồng}/\text{ngày} \times 27 \text{ ngày} = 35.000 \text{ đồng}) = 2.940.000 \text{ đồng}.$

- Lãi của khoản vay 10.000.000đồng từ ngày 11/12/2017 (ngày quá hạn trả nợ) đến ngày 02/6/2023 (ngày xét xử) là: $10.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} = (83.000\text{đồng}/\text{tháng} \times 65 \text{ tháng} = 5.395.000\text{đồng}) + (2.700\text{đồng}/\text{ngày} \times 22 \text{ ngày} = 59.000 \text{ đồng}) = 5.454.000 \text{ đồng}.$

Tổng cả gốc và lãi của cả hai khoản vay anh T phải trả cho ông L là $15.000.000\text{đồng} + 2.940.000\text{đồng} + 5.454.000\text{đồng} = 23.394.000\text{đồng}.$

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng ông L bà N. Mặc dù chị V cùng chung sống với anh T nhưng ông L xác định chị V

chỉ là người làm chứng, không liên quan đến khoản tiền vay của anh T. Ông L chỉ yêu cầu cá nhân anh T phải trả tiền nên Hội đồng xét xử buộc anh T phải trả cho vợ chồng ông L bà N số tiền 23.394.000đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí là $23.394.000\text{đồng} \times 5\% = 1.169.700\text{đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông L không phải chịu án phí, hoàn trả ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, ông L, bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T và chị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Triệu L đối với anh Ông Văn T.

Buộc anh Ông Văn T phải trả cho ông Đinh Triệu L và bà Phạm Thị N số tiền gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 8.394.000đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 23.394.000đồng (hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi tư nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Anh Ông Văn T phải chịu 1.169.700đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Đinh Triệu L số tiền 750.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009009 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng